

	NGUYỄN	LẠC	KHÍCH	MỘ
PHÊ	Thái uyên	Liệt khuyết	Không tối	Trung phủ
ĐẠI	Hợp cốt	Thiên lịch	Ôn lưu	Thiên khu
VỊ	Xung dương	Phong long	Lưỡng khâu	Trung quản
TỶ	Thái bạch	Công tôn	Địa cơ	Chương môn
TÂM	Thân môn	Thông lý	Âm khước	Cự khuyết
TIÊU	Uyên cốt	Chi chính	Dưỡng lão	Quan nguyên
BĂNG	Kinh cốt	Phi dương	Kim môn	Trung cực
THẬN	Thái khê	Đại chung	Thủy tuyên	Kinh môn
BAO	Đại lãng	Nội quan	Khích môn	Chiên trung
TAM	Dưỡng tri	Ngoại quan	Hội tông	Thạch môn
ĐẢM	Khâu khư	Quang minh	Ngoại khâu	Nhật nguyệt
CAN	Thái xung	Lãi câu	Trung đồ	Kỹ môn

Nguyên huyết: Nơi phản ứng bệnh của tạng
phủ, chữa bệnh của tạng phủ

Lạc huyết bệnh kinh biểu lý liên quan,
bệnh nặng

Bối du huyết: phản ứng bệnh tạng phủ,
chữa bệnh tạng phủ khi quan có liên quan
bệnh phong hàn

Mô huyết: Bệnh cấp tính, phản ứng đau
của tạng phủ, nguyên khí kém

{ Dưỡng suy: Bô' mộ - Ta' du
{ Âm hư: Ta' mộ - Bô' du

Khích huyết Nơi kinh khí tụ sâu, chữa
bệnh nơi kinh tuần hoàn và bệnh ở tạng
gốc sơ thuộc, bệnh cấp tính, đau, viêm
bệnh khe kẽ, lâu ngày

- Đốc : Trường cường (lạc)
- Nhâm : Cửu vĩ (lạc)
- Dương duy : Dương giao (khích)
- Âm duy : Trúc tần (khích)
- Dương kiêu : Phụ dương (khích)
- Âm kiêu : Giao tín (khích)

HỘI HUYẾT

Phủ : trung quản

Tang : chương môn

Cân : D. L. tuyên

Mạch : Thái uyên

Khi : Đản trung

Tuỷ : Tuyết cốt

Huyết : Cách du

Cốt : Đại trử

5 DU HUYẾT

* Tinh : chữa chứng mùa xuân (Can), ngực, sườn trở xuống đầy trướng, phong co thắt

* Huỳnh : chữa chứng mùa hạ (Tâm), thân mình phát sốt nhiệt

* Du : chữa chứng cuối mùa hạ (Tỳ), thân mình nặng nề vận động chậm chạp bị trở ngại và đau các khớp

* Kinh : chữa chứng của mùa thu (Phế), ho suyễn, phát sốt sợ rét

* Hợp : chữa chứng bệnh mùa đông (Thận) khi nghịch, khó hít vào, tân dịch tiết ra ngoài, ỉa chảy.

< Tinh phó - Huỳnh thông - Du giác - Hợp bổ >

LỤC PHỦ HẠ HỢP HUYẾT

Vi : Túc tam lý
Đau Thương cơ hư
Tiêu : Hạ cơ hư } Túc đường kinh